

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-PT

Ngày: 28/3/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Đoàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung –Thư ký TAND tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2023/TLPT – DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc kiện “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 04/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn L, sinh năm 1986.

Trú tại: Xóm Cối, xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn N, sinh năm 1978. ĐT: 0986 372 960.

Địa chỉ: Xóm Tung, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Bùi Văn N – là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung thể hiện như sau:

Nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày:

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 ông Bùi Văn L có cho ông Bùi Văn N vay số tiền 154.000.000đ (một trăm năm mươi tư triệu đồng), hai bên có làm giấy nhận nợ và thỏa thuận lãi xuất 15%/năm, thời hạn trả nợ vào ngày 24/7/2020. Từ khi ông N vay tiền của ông L cho đến nay ông N chưa thanh toán trả cho ông L tiền vay gốc và tiền lãi theo thỏa thuận do đó ông L đã đến nhà ông N đòi nợ rất nhiều lần nhưng ông N không trả nợ, nay ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì vậy ông L đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, yêu cầu ông N

phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông L số tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo biên bản hòa giải các ngày 22/7/2022 và ngày 15/8/2022 số tiền là 214.896.000đ (hai trăm mười bốn triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 154.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 1.925.000đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả theo lãi xuất Ngân hàng nhà nước Việt Nam hiện hành tính từ ngày 24/7/2020 đến ngày 22/7/2022 là 23 tháng 28 ngày x với 154.000.000đồng tiền gốc x 1,6%/tháng = 58.971.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Bùi Văn L đề Hội đồng xét xử tính lãi chậm trả đối với khoản tiền lãi và tiền gốc theo qui định của pháp luật, cụ thể: Tiền gốc 154.000.000đồng; Tiền lãi trong hạn 154.000.000 đồng x (15%/ : 12 tháng) x 1 tháng = 1.925.000 đồng; Tiền lãi chậm trả đối với nợ gốc kể từ ngày 25/7/2020 đến 25/10/2022 là 27 tháng, tính thành tiền là: 154.000.000 đồng x (150% x 15% : 12 tháng) x 27 tháng = 77.962.500 đồng; tiền lãi chậm trả đối với nợ lãi trên nợ gốc: 1.925.000đ x (10% : 12 tháng) x 27 tháng = 433.125đồng. Cộng: 154.000.000đ (tiền gốc) + 1.925.000đ (tiền lãi trong hạn) + 433.125đ (tiền lãi chậm trả của lãi) + 77.962.500đ (tiền lãi chậm trả đối với nợ lãi trên nợ gốc) = 234.320.625 đồng.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông N có xuất trình giấy nhận nợ (bản gốc) ghi ngày 28/4/2019 có nội dung là “Anh Bùi Văn N có vay số tiền của Bùi Văn L số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, hạn trả nợ ngày 28/6/2019”. Ông L cho rằng giấy vay tiền này không phải của ông L, ông L không thừa nhận đã cho ông N vay khoản tiền này, vì giấy vay này không phải chữ viết, mẫu giấy vay tiền mà ông soạn thảo, ông L khẳng định giấy vay này không liên quan đến ông và cũng không liên quan đến khoản vay đề ngày 24/6/2020 mà ông đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Văn N trình bày:

Ngày 24/6/2020 ông N có vay của ông L số tiền là 154.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay mục đích vay lấy tiền trả nợ cá nhân, thời hạn vay là 01 tháng, đến ngày 24/7/2020 bên vay ông N phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền vay gốc và tiền lãi theo thỏa thuận là 15%/năm, ông N có cam kết thế chấp 01 sổ bảo hiểm của ông N đóng từ tháng 4/2004, dự kiến kết thúc vào tháng 4/2030, nhưng thực tế ông N chưa thế chấp sổ bảo hiểm nêu trên cho ông L như thỏa thuận. Sau khi vay được tiền ông N chưa trả được tiền gốc, tiền lãi đối với khoản nợ đã ghi trong giấy nhận nợ ngày 24/6/2020. Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông N phải trả cho ông L tiền gốc và tiền lãi phát sinh 210.133.000 đồng, do điều kiện ông N khó khăn về tài chính ông xin được trả dần nợ gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và ông xin không phải tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2022 và ngày 15/8/2022 ông N lại khai ngày 28/4/2019 ông vay của ông L số tiền 25.000.000 đồng tiền mặt, hai bên có làm giấy biên nhận, không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay nhưng có thỏa

thuận miệng là 18%/tháng, thời hạn 02 tháng thì trả, không có thể chấp tài sản gì. Mục đích vay để sử dụng cho cá nhân. Tháng 11/2019 ông N đã trả được cho ông L là 18.600.000 đồng tiền lãi, gốc chưa trả, khi trả tiền thì không làm giấy tờ gì và chỉ có ông N, ông L biết. Đến ngày 24/6/2020 do không trả được nợ nêu trên ông N có làm giấy nhận nợ với ông L vay số tiền là 154.000.000đ (một trăm năm mươi bốn triệu đồng) mà ông L đang khởi kiện nêu trên. Từ khi viết giấy vay tiền này ông N chưa thanh toán trả được cho ông L tiền gốc và tiền lãi nào. Ông N thừa nhận ông L đến nhà ông đòi nợ nhiều lần nhưng ông N không có điều kiện trả nợ. Nay ông L yêu cầu ông N phải trả nợ khoản tiền vay gốc và lãi phát sinh tổng cộng là: 234.320.625đ (hai trăm ba mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai lăm đồng). Nay ông N chỉ chấp nhận trả số tiền vay gốc 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) và lãi chậm trả phát sinh từ tháng 12/2019 cho đến ngày 24/7/2022 là: 31 tháng x 1,5%/tháng = 32.750.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 57.750.000đ (năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST ngày 04/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình Quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L.

Buộc ông Bùi Văn N phải trả cho ông Bùi Văn L tổng số tiền là 234.320.625đ (hai trăm ba mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 154.000.000đ (một trăm năm mươi bốn triệu đồng), tiền lãi phát sinh là 80.320.625đ (tám mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 14/11/2022 ông Bùi Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại hồ sơ vụ án, giấy tờ liên quan và khoản vay 154.000.000 đồng nhận trên giấy tờ, không phải nhận tiền mặt,

yêu cầu chỉ trả cho ông L số tiền nợ gốc 25 triệu đồng vay ngày 28/4/2019 và tiền lãi phát sinh là 32.700.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Bùi Văn N giữ nguyên kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Ông N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông N cho rằng khoản vay ngày 24/6/2020 với số tiền 154 triệu đồng ghi trong giấy nhận nợ là do ông chưa có tiền trả ông L nên ông L ép ông ký nhận bao gồm tiền nợ gốc 25 triệu cộng với lãi mẹ đẻ lãi con tính đến ngày 24/6/2020. Nhưng tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm ông N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L, chấp nhận giá trị pháp lý của hợp đồng nhận nợ đề ngày 24/6/2020 và buộc ông Bùi Văn N thanh toán số tiền nợ gốc 154 triệu đồng và tiền lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả của lãi, tiền lãi chậm trả đối với nợ lãi trên nợ gốc là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông N. Đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ đơn kháng cáo của ông N và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 14/11/2022 của ông Bùi Văn N trong thời gian luật định và hợp lệ.

[2]. Xét kháng cáo của Bị đơn ông Bùi Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông N yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại hồ sơ vụ án, giấy tờ liên quan và khoản vay 154.000.000 đồng nhận trên giấy tờ, không phải nhận tiền mặt, yêu cầu chỉ trả cho ông L số tiền nợ gốc 25 triệu đồng vay ngày 28/4/2019 và tiền lãi phát sinh là 32.700.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L, yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn N phải trả cho ông Bùi Văn L số tiền nợ gốc 154.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy nhận nợ ngày 24/6/2020:

Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 24/6/2020 được ký kết giữa ông Bùi Văn L và ông Bùi Văn N, căn cứ vào lời khai của ông Bùi Văn L, lời khai của ông Bùi

Văn N tại bản tự khai ngày 22/7/2022, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 24/6/2020 ông Bùi Văn N có vay của ông Bùi Văn L số tiền 154.000.000 đồng, ông Bùi Văn N có viết và ký giấy nhận nợ số tiền trên, hai bên thỏa thuận vay trong 1 tháng và lãi suất là 15%/1 năm, ông N cam kết đến ngày 24/7/2020 sẽ hoàn trả đầy đủ cho ông L, khi viết và ký giấy nhận nợ ông Bùi Văn N là người có năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, không bị ép buộc, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng vay tài sản ngày 24/6/2020 ở trên là hợp pháp và là căn cứ pháp lý buộc các bên phải thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Bùi Văn N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L và buộc ông Bùi Văn N phải thanh toán trả tiền số tiền vay gốc là 154.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 80.320.625 đ (tính đến ngày 25/10/2022), đồng thời bác yêu cầu của ông Bùi Văn N đối với khoản vay 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Việc ông Bùi Văn N cho rằng giấy vay tiền ngày 24/6/2020 là xuất phát từ giấy vay tiền ngày 28/4/2019 ông đã vay của ông L 25.000.000đ, do không trả được nợ nên đến ngày 24/6/2020 ông L đã tính lãi mẹ, đẻ lãi con, ép ông viết giấy nhận nợ lên số tiền 154.000.000đ tuy nhiên ông Bùi Văn L không thừa nhận, ông Bùi Văn N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của ông Bùi Văn N.

Tại cấp phúc thẩm người kháng cáo là ông Bùi Văn N không xuất trình được chứng cứ nào mới so với tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn N.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ kháng cáo của ông Bùi Văn N là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ đơn kháng cáo của ông Bùi Văn N.

[2] Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST ngày 04/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình , cụ thể:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 4 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L.

- Buộc ông Bùi Văn N phải trả cho ông Bùi Văn L tổng số tiền là 234.320.625đ (hai trăm ba mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 154.000.000đ (một trăm năm mươi bốn triệu đồng), tiền lãi phát sinh là 80.320.625đ (tám mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Bùi Văn N phải chịu 11.716.000 (mười một triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Bùi Văn L được hoàn trả lại 5.253.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 002239 ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Bùi Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, ông Bùi Văn N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002246 Ngày 02/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Nay được đối trừ.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/3/2023.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN

TÒA

- VKSND cấp cao tại HN

- VKSND tỉnh Hòa Bình

- TAND huyện Yên Thủy, tỉnh HB

- Chi cục THADS huyện Yên Thủy, tỉnh HB

- Các đương sự

- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Lý Thị Đoàn

